

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày 18 - 5 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Doãn Thị Vệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên
tòa:*** Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 7 tháng 01 năm 1997 tại Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và con bà Trần Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt).

* Bị hại: Anh Lương Văn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn M2, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trương Văn L, sinh năm 1991; nơi thường trú: thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện tại: Số 38, ngõ 218, đường L, phường N, quận C, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Anh V, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 73, đường B, phường C, quận H, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2022 Nguyễn Đức T, sinh năm 1997 trú tại phường P, quận L, thành phố Hà Nội và Lương Văn Đ, sinh năm 1987 trú tại xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương là bạn làm cùng công ty Môi trường đô thị Toàn cầu, có địa chỉ tại xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Do thiếu tiền tiêu sài cá nhân nên T nảy sinh ý định lừa đảo mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WAVE RSX, màu sơn: Đen - đỏ, biển kiểm soát: 34B1 - 220.77 của anh Đ đi cầm cố lấy tiền.

Đến khoảng 15 giờ 00 ngày 02.11.2022, tại công ty Môi trường đô thị Toàn cầu, T nói dối với anh Đ là mượn xe mô tô nêu trên của anh Đ để về quê và hẹn đến ngày 7.11.2022 thì trả xe, anh Đ đồng ý rồi đưa chìa khóa xe cùng chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 34B1 - 220.77 (đăng ký để trong cốp xe) cho T mượn. Sau khi mượn được xe, T giả vờ xin công ty nghỉ về quê để giải quyết công việc gia đình.

Đến ngày 5.11.2022, T tự ý bỏ việc tại công ty, thu dọn hết đồ đạc cá nhân rồi đi xe mô tô mượn của anh Đ đi về quận L, thành phố Hà Nội để tìm cửa hàng cầm đồ cầm cố chiếc xe mô tô của anh Đ lấy tiền. Sau đó T đến cửa hàng mua bán xe máy Đ, có địa chỉ tại phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Tại đây, T gặp anh Nguyễn Anh V, sinh năm 1980, trú tại phường C, quận H, thành phố Hà Nội là chủ cửa hàng. T nói dối anh V là xe của T muốn cầm cố, sau khi xem xe anh V đồng ý cho T cầm cố chiếc xe mô tô, biển kiểm soát: 34B1 - 220.77 với giá 6.500.000đ, tiền lãi thỏa thuận sau khi T lấy xe, anh V đưa cho T tờ giấy mẫu in sẵn là giấy mua bán ô tô, xe máy, T cầm rồi tự điền thông tin của mình rồi ký xác nhận vào giấy sau đó đưa lại cho V cầm, T số tiền 6.500.000đ do V đưa rồi để lại chiếc xe mô tô, biển kiểm soát: 34B1 - 220.77 + Đăng ký của chiếc xe cho anh V quản lý rồi đi về nhà tại phường P, quận L, thành phố Hà Nội. Số tiền cầm cố xe T đã tiêu sài cá nhân hết.

Đến ngày 12.11.2022 T đi xe ô tô của anh Trương Văn L, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: tại xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện đang tạm trú tại số 38 ngõ 218 L, phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Do đang hết tiền tiêu sài nên T nảy

sinh ý định bán chiếc xe mô tô, biển kiểm soát: 34B1 - 220.77 cho anh L. Trên đường đi, T nói với anh L là có chiếc xe Honda WAVE RSX của T đang cầm cố bên C muốn bán thì anh L đồng ý mua, T dẫn anh L đến cửa hàng mua bán xe máy Đ gặp anh V để xem xe. Tại đây, T và anh L thống nhất T bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 34B1 - 220.77 cho anh L với giá 9.000.000đ. T nói với anh L là chiếc xe T đã cầm cố lấy số tiền 6.500.000đ nên anh L trả cho anh V 6.500.000đ + đưa thêm cho T số tiền 2.500.000đ. Sau khi mua bán xong T đi về nhà, còn anh L lấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 34B1 - 220.77 cùng chiếc đăng ký xe đi về nhà sử dụng.

Đến thời hạn không thấy T trả xe nên anh Đ đã nhiều lần gọi điện cho T để đòi lại chiếc xe nhưng T đều trốn tránh, sau nhiều lần bị anh Đ tìm gặp, gọi điện đòi xe nên T buộc phải nói cho anh Đ biết đã bán chiếc xe mô tô mượn của anh Đ cho anh L lấy số tiền 9.000.000đ tiêu sài cá nhân hết và không còn khả năng chuộc lại xe. Ngày 17.11.2022 anh Đ đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQĐT) Công an thành phố Phúc Yên sự việc trên.

Đối với Nguyễn Anh V chủ cửa hàng mua bán xe máy Đ là người đã cầm cố chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 34B1 - 220.77 cho bị cáo Nguyễn Đức T, quá trình điều tra xác định anh V không biết chiếc xe đó là tài sản do T phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên khi cho T cầm cố xe, V không có giấy phép kinh doanh, nhận cầm cố xe không đúng chủ sở hữu đã vi phạm vào điểm 1, khoản 3, điểm a khoản 4 điều 12, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã có công văn số 398 ngày 3 tháng 4 năm 2022 đề nghị Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với V theo quy định.

Đối với Trương Văn L là người đã mua chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 34B1 - 220.77 của bị cáo Nguyễn Đức T với giá 9.000.000đ. Khi mua bán T đã nói chiếc xe là của T cần tiền muốn bán, anh L không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34B1 - 220.77 do T phạm tội mà có. Vì vậy không đặt ra xem xét.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Thu giữ của anh Trương Văn L: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WAVE RSX, màu sơn: Đen - đỏ, biển kiểm soát: 34B1 - 220.77; 01 đăng ký xe mô tô nêu trên mang tên Vũ Thị H, sinh năm: 1992, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (là vợ của anh Lương Văn Đ). Ngày 30/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại tài sản trên cho anh Đ nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Thu giữ của Nguyễn Đức T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 353803087885588, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định, chiếc điện thoại trên là tài sản của Nguyễn Đức T không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại bản kết luận số 84 ngày 19.12.2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Phúc Yên kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WAVE RSX, màu sơn: Đen - đỏ, biển kiểm soát: 34B1 - 220.77 (đăng ký lần đầu ngày 23.6.2011), tại thời điểm ngày 2.11.2022 có giá trị 6.670.000đồng.

*Trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 9.000.000đ là tiền anh L đã bỏ ra để mua lại chiếc xe mô tô nêu trên, đến nay bị cáo T chưa trả lại anh L, đề nghị bị cáo T phải trả lại cho anh Trương Văn L số tiền 9.000.000đ theo quy định.

Tại Cáo trạng số: 43/CT - VKSPY ngày 22 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng. Hành vi phạm tội của bị cáo là do nợ nhiều dẫn đến việc phạm tội nên bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại anh Lương Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt và quá trình điều tra trình bày: Chiếc xe mô tô mà T lừa chiếm đoạt của anh nhãn hiệu Honda, loại xe WAVE RSX, màu sơn: Đen - đỏ, biển kiểm soát: 34B1 - 220.77; 01 đăng ký xe mô tô nêu trên mang tên Vũ Thị H, sinh năm: 1992, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (là vợ của anh Lương Văn Đ). Ngày 30/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại tài sản trên cho anh đã nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh V, vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra trình bày: Anh chủ cửa hàng mua bán xe máy Đ là người đã cầm cố chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 34B1 - 220.77 cho bị cáo Nguyễn Đức T, anh V không biết chiếc xe đó là tài sản do T phạm tội mà có. Anh không có đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn L, vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra trình bày: Đối với số tiền 9.000.000đ là tiền anh đã bỏ ra để mua lại chiếc xe mô tô nêu trên, đến nay bị cáo T chưa trả lại anh, đề nghị bị cáo T phải trả lại cho anh Trương Văn L số tiền 9.000.000đ theo quy định.

Tại phiên tòa kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Nguyễn Đức T; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1, Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T từ 08 (Tám) đến 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Trương Văn L số tiền 9.000.000đ theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Trả lại cho Nguyễn Đức T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 353803087885588, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo,

người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại cùng Toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 02.11.2022 tại công ty Môi trường đô thị Toàn cầu thuộc xã C, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyễn Đức T, sinh năm 1997 trú tại phường P, quận L, thành phố Hà Nội có hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WAVE RSX, màu sơn: Đen - đỏ, biển kiểm soát: 34B1 - 220.77 trị giá 6.670.000đ của anh Lương Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 43/CT - VKSPY ngày 22 tháng 4 năm 2023 là hoàn T có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người trưởng thành, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an T xã hội. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm tại địa phương cần phải xử phạt bị cáo nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong T xã hội.

[4] Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Trước khi phạm tội bị cáo T là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người trưởng thành, không tu chí làm ăn, ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, điều này thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo. Quá trình điều tra bị cáo không có ý thức khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nên cần xử phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù nhưng cao hơn mức mà Viện kiểm sát đề nghị mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung cũng như giúp bị cáo cải tạo thành người công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Trả lại cho Nguyễn Đức T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 353803087885588, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án là phù hợp.

[7] Đối với Nguyễn Anh V chủ cửa hàng mua bán xe máy Đ là người đã cầm cố chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 34B1 - 220.77 cho bị cáo Nguyễn Đức T, quá trình điều tra xác định anh V không biết chiếc xe đó là tài sản do T phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên khi cho T cầm cố xe, V không có giấy phép kinh doanh, nhận cầm cố xe không đúng chủ sở hữu đã vi phạm vào điểm l, khoản 3, điểm a khoản 4 điều 12, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã có công văn số 398 ngày 3 tháng 4 năm 2022 đề

ngهی Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với V theo quy định là phù hợp nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với Trương Văn L là người đã mua chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 34B1 - 220.77 của bị cáo Nguyễn Đức T với giá 9.000.000đ. Khi mua bán T đã nói chiếc xe là của T cần tiền muốn bán, anh L không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34B1 - 220.77 do T phạm tội mà có là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 9.000.000đ là tiền anh L đã bỏ ra để mua lại chiếc xe mô tô nêu trên, đến nay bị cáo T chưa trả lại anh L, đề nghị bị cáo T phải trả lại cho anh Trương Văn L số tiền 9.000.000đ theo quy định, cần buộc T bồi thường đủ.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và $5\% \times 9.000.000 \text{ đồng} = 450.000\text{đồng}$ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Đức T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự,

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải bồi thường cho anh Trương Văn L số tiền 9.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trương Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng

tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hiền

